

Bản án số: 37/2025/DS-ST

Ngày: 28/4/2025

V/v tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên
2. Ông Nguyễn Kiên Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Linh Nhi – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 28/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 837/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST-DS ngày 17/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2025/QĐST-DS ngày 10/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;

Trụ sở: 266-268 N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Chung Xuân M;

Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 2211/2024/UQ-TT. XLN ngày 12/11/2024).

(Có đơn xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phan T, sinh năm 1976;

Địa chỉ cư trú: 47C V, Phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú: 172 N, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 21/6/2022, Ông Phan T (nay gọi tắt là ông T) có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Hạn mức tín dụng là 300.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 408.322.555 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Hợp đồng). Ông T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Hợp đồng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 248.296.093 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Hợp đồng), ngày 16/3/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là 299.841.676 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông T trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 26/11/2024 là 395.100.300 đồng. Trong đó, nợ gốc là 299.841.676 đồng, lãi quá hạn là 95.258.624 đồng. Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, làm việc trực tiếp để yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ. Tuy nhiên, ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến thời điểm ngày 26/11/2024 là 395.100.300 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/11/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:

[3] Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu ông T thanh toán tiền nợ sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và các khoản lãi phát sinh nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng thể hiện Bên cho vay là Ngân hàng Thương mại cổ phần S có trụ sở tại Quận 3 nên nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân Quận 3 là nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết. Căn cứ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[5] *Về tố tụng:*

[6] Nguyên đơn Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và Bị đơn ông T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[7] Xét, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký ngày 21/6/2022 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 để giải quyết.

[8] *Về yêu cầu của đương sự:*

[9] Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T thanh toán số tiền còn thiếu tính đến ngày 26/11/2024 là 395.100.300 đồng. Trong đó, nợ gốc là 299.841.676 đồng, nợ quá hạn là 95.258.624 đồng.

[10] *Về nợ gốc:*

[11] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2022; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng

thể hiện ông T đã đăng ký sử dụng thẻ tín dụng có hạn mức của Ngân hàng thương mại cổ phần S và đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 300.000.000 đồng.

[12] Căn cứ bảng Tóm tắt sao kê đối với ông Phan T, với hạn mức tín dụng 300.000.000 đồng, thì ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 408.322.555 đồng.

[13] Căn cứ thỏa thuận hợp đồng tín dụng và bảng Tóm tắt sao kê có cơ sở xác định cho đến nay tổng dư nợ của ông T còn nợ của Ngân hàng là 299.841.676 đồng.

[14] *Về nợ lãi:*

[15] Tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định về việc chuyển nợ quá hạn như sau:

“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng số dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán.”

[16] Tại Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *"Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng"*, ngoài ra tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Vì Ngân hàng có chức năng hoạt động tín dụng nên lãi suất sẽ do thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng nên nguyên đơn căn cứ vào lãi suất thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ để tính lãi là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

[17] Xét, do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông T trả tiền lãi tính đến ngày 13/12/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 30/01/2024 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là 95.258.624 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, buộc bị đơn ông T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/11/2024 là 395.100.300 đồng. Trong đó, nợ gốc là 299.841.676 đồng, nợ quá hạn là 95.258.624 đồng.

[19] *Về thời hạn thanh toán:* tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”* nên yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng buộc bị đơn ông T có nghĩa vụ trả tiền nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[20] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên ông T phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng nên mức án phí bị đơn ông T phải chịu là 19.755.015 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng số tiền 8.630.959 đồng theo biên lai thu số 0059110 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1, điểm g khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

1.1. Buộc ông Phan T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 26/11/2024 là 395.100.300 đồng, trong đó: nợ gốc là 299.841.676 đồng, lãi quá hạn là 95.258.624 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày 27/11/2024 ông Phan T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận tương ứng với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/6/2022; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Phan T phải chịu là 19.755.015 đồng.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 8.630.959 đồng theo biên lai thu số 0059110 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Phan T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ .

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Anh